TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 9 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 5, C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duyên B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 2, D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1966; trú tại: Thôn 5, C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai và lời trình bày của chị Trần Thị M tại phiên toà; đơn trình bày của anh Nguyễn Duyên B thì nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung nhưng đến năm 2019 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Trần Thị M: Khoảng tháng 01/2019 chị phát hiện anh B ngoại tình với một người phụ nữ ở tỉnh Nam Định, khi chị nói chuyện này với anh B thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh chửi nhau, anh B đã tát chị khoảng 02 cái. Đến khoảng tháng 05/2019 do anh B vẫn ngoại tình với người phụ nữ kia nên chị không chịu được dẫn đến 02 vợ chồng đánh chửi nhau, anh B có tát, dúm tóc lôi ra sân và đuổi chị ra khỏi nhà, sau đó khóa cổng không cho chị vào. Vợ chồng chị cũng ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Duyên B.

Theo anh Nguyễn Duyên B: Anh và chị M mâu thuẫn từ đầu năm 2019, nguyên nhân do mình anh đi làm, chị M ở nhà trông con nên kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, hơn nữa chị M ghen tuông vô cớ, không có bằng chứng nhưng bảo anh ngoại tình, sau đó chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm đến chồng con. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất trí ly hôn với chị M.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 19/11/2017 hiện cháu C đang ở cùng chị M và cháu Nguyễn Duyên N, sinh ngày 16/11/2018 hiện cháu N đang ở cùng anh B.

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Bảo C cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Bảo C đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Duyên N cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhau.

- *Về tài sản và nợ, các vấn đề khác:* Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành do anh B vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Chị Trần Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Nguyễn Duyên B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bầy trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ như vắng mặt phiên họp, hoà giải tại toà án.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhân thuân tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B; về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 19/11/2017 cho chị Trần Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Bảo C đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Duyên N, sinh ngày 16/11/2018 cho anh Nguyễn Duyên B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu N đủ 18 tuổi. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Nguyễn Duyên B xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M phát hiện anh B ngoại tình dẫn đến vợ chồng liên tục cãi chửi nhau; mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, quá trình giải quyết vụ án anh B cũng xác định tình cảm không còn và nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 19/11/2017 hiện cháu C đang ở cùng chị M và cháu Nguyễn Duyên N, sinh ngày 16/11/2018 hiện cháu N đang ở cùng anh B.

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Bảo C cho chị Trần Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Duyên N cho anh Nguyễn Duyên B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tính đến thời điểm xét xử thì cả cháu N và cháu C đều dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải giao cả hai con cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con, chị M trình bầy hiện đang làm công nhân của Công ty TNHH hệ thống dây

truyền E tại huyện K, tỉnh Hà Nam, thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng, chị M và cháu Bảo C đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; anh Nguyễn Duyên B hiện đang làm việc tự do tại địa phương, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định khi cháu N mới 05 tháng tuổi chị M bỏ đi, việc nuôi dưỡng cháu N đều do anh B và mẹ đẻ (là bà M1) chăm sóc, cuộc sống của cháu rất tốt và ổn định, từ khi anh B chị M sống ly thân chị M cũng không quan tâm gì đến cháu N. Quá trình giải quyết vụ án chị M, anh B thoả thuận giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng vì chị M không có đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho các cháu Bảo C và cháu N, nên giao cháu Bảo C cho chị M và giao cháu N cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 19/11/2017 cho chị Trần Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Bảo C đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Nguyễn Duyên N, sinh ngày 16/11/2018 cho anh Nguyễn Duyên B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Duyên B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2015/0003742 ngày 28/7/2020 chị Trần Thị M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Duyên B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Huy